

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24/6/2021

“V/v tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Mỹ

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Hải

2. Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18, 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 318/2020/TLST-DS, ngày 16/10/2020, về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 110/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Thị Bích V, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Số 89/1 Bà Triệu, Tổ 20, Khóm 4, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số 150, Tổ 63, Khóm 5, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

Bị đơn: Lê Thiết Th, sinh năm: 1954

Địa chỉ: Số 89/1 Bà Triệu, Tổ 20, Khóm 4, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Nhà trọ Đại Cát, Tổ 4, Khóm 1, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Lê Văn M, sinh năm: 1985

2/ Lê Thị Ngọc D, sinh năm: 1982

3/ Trần Minh Q, sinh năm: 2013

Người đại diện theo pháp luật của cháu Quân là chị Lê Thị Ngọc D.

Cùng địa chỉ: Số 89/1 Bà Triệu, Tổ 20, Khóm 4, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ liên hệ: Nhà trọ Đại Cát, Tổ 4, Khóm 1, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Đoàn Thanh Ng, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Số 89/1 Bà Triệu, Tổ 20, Khóm 4, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

(Bà V có mặt, ông Th, bà Ng có đơn xin vắng mặt, chị D, anh M vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/6/2020, và quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Bích V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung: Bà V và ông Th cưới nhau năm 1980, đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 250/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Về tài sản chung: Thừa đất số 305, tờ bản đồ số 13, diện tích, 48m², loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại Phường A, thành phố Cao Lãnh được Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/2007 cho hộ bà V và ông Th (Giá trị thừa đất tạm tính là 400.000.000đ).

Nhà ở trên thửa đất xây dựng từ năm 1984, xây mới lại năm 2007. Diện tích 48m², loại nhà cấp 4, có gác lửng, tường gạch xây tô, nền lát gạch men (đo đạc thực tế 49,7m²). Nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở (giá trị nhà tạm tính là 100 triệu). Tổng giá trị nhà và đất tạm tính là 500.000.000đ. Tại biên bản định giá tài sản tranh chấp do bà V xác định giá đất là 1.000.000.000đ và giá nhà là 500.000.000đ.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do ông Th đang quản lý. Nhà hiện đang cho bà Ng thuê theo tháng, không làm hợp đồng.

Nay, bà V yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất 305, tờ bản đồ số 13 và ngôi nhà trên đất, mỗi người hưởng 50%. Trong đó, nhà và đất giao lại cho ông Th được tiếp tục quản lý, sử dụng, ông Th có trách nhiệm trả 50% giá trị cho bà V.

Đối với các con và cháu thì hiện nay không còn ai ở trong căn nhà này nữa. Lê Văn M; Lê Thị Ngọc D hiện đang ở Tổ 4, Khóm 1, Phường B, thành phố Cao Lãnh; Lâm Thị Anh T đã ly hôn với M từ năm 2019 và hiện không còn trong gia đình cũng đã chuyển hộ khẩu đi nơi khác.

Đối với tài sản được cấp cho hộ của bà V và ông Th, trong hộ có M và D nhưng tài sản này là tạo lập của vợ chồng có được từ khi con còn nhỏ nên con

không có công sức đóng góp. Do đó, không đồng ý chia cho các con.

Đối với người thuê căn nhà là bà Đoàn Thị Thanh Nga do ông Thành cho thuê thì bà không có yêu cầu Tòa án xem xét hợp đồng thuê nhà giữa ông Thành và bà Nga.

Tại biên bản ghi lời khai của bị đơn ông Lê Thiết Th trình bày:

Về Hôn nhân và con chung: Ông và bà V chung sống từ năm 1980 và được Tòa án giải quyết theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 250/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Năm 1976 ông Th được Công ty xây dựng C nhận làm nhân viên lái xe (gọi là công nhân viên) nên Công ty có xét đề xuất cho Ủy ban nhân dân Phường D để xét cấp cho nhân viên không có đất ở nên ông được xét cấp cho 01 nền có chiều ngang 04m, chiều dài 15m, cấp đất không có thu tiền, cấp cho cá nhân ông vào tháng 7 năm 1984.

Ông và bà V chung sống từ trước năm 1982 và có 02 con chung là Lê Thị Ngọc D và Lê Văn M.

Phần đất được cấp thì hiện trạng lúc bấy giờ là đất hằm, nương. Do ông và bà V tự san lấp và cất nhà tạm ở đến khoảng năm 2013 được mẹ ruột của ông là bà Đặng Thị L cho riêng ông 100.000.000đ để xây nhà. Con gái tên D có thêm vợ chồng tôi 60.000.000đ và số tiền còn lại do vợ chồng dành dụm để bù vào xây nhà, chi phí xây dựng căn nhà là 170.000.000đ.

Phần đất nêu trên tại thửa đất số 305, tờ bản đồ số 13, diện tích 48m², loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại Phường A, thành phố Cao Lãnh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số cấp ngày 24/8/2007 cho hộ bà V và ông Th đứng tên (đo đạc thực tế 49,7m²).

Trên phần đất có một căn nhà cấp 4, xây dựng năm 2013. Tiền xây nhà do mẹ ruột của ông là bà Đặng Thị L cho riêng ông 100.000.000đ và con gái cho vợ chồng 60.000.000đ, chi phí xây nhà là 170.000.000đ. Đây là tài sản riêng của ông, chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà V.

Căn nhà hiện ông đã cho bà Ng thuê theo tháng, giá thuê mỗi tháng là 2.000.000đ, trả tiền hàng tháng, do ông nhận tiền cho thuê nhà từ bà Ng, việc cho thuê không có làm hợp đồng. Ông không yêu cầu Tòa án xem xét đối với hợp đồng cho thuê nhà với bà Ng.

Hiện nay ông đang ở nhờ nhà trọ của con gái ông, do ông bệnh tật cần tiền trị bệnh nên mới cho thuê nhà để lấy tiền điều trị bệnh.

Việc bà V yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên theo giá 500.000.000đ thì ông không đồng ý, ông cũng không đồng ý giao nhà và đất cho bà V. Tuy nhiên, vì tình nghĩa vợ chồng trước đây bà V cũng chăm sóc gia đình nên ông đồng ý chia cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên theo giá Hội đồng định giá đã định, nếu bà V yêu cầu giá cao hơn thì ông không đồng ý chia và cũng không đồng ý giao nhà cho bà V.

Tại biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thanh Ng trình bày:

Bà đang thuê căn nhà hiện đang tranh chấp giữa ông Th và bà V, do ông Th cho bà thuê (không làm hợp đồng thuê nhà), thuê theo tháng với giá 2.000.000đ/tháng. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ ông Th và bà V đang tranh chấp. Trường hợp Tòa án giao nhà cho ông Th hoặc bà V thì nếu người được nhận nhà không đồng ý cho bà tiếp tục thuê nữa thì bà tự dọn đồ và trả lại nhà để đi nơi khác sinh sống nên bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thuê nhà giữa bà và ông Th.

Tại biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn M trình bày:

Anh M là con trai của bà V, ông Th. Cha mẹ đã ly hôn và nay mẹ anh yêu cầu chia tài sản là căn nhà và đất. Hiện nay anh và ông Th chỉ có chỗ ở duy nhất là căn nhà và đất nêu trên, do ông Th bệnh không có tiền chữa trị nên phải cho thuê lấy tiền trị bệnh cho ông Th. Do căn nhà đã cho thuê nên anh và ông Th không có chỗ để sinh sống. Do đó, hiện ông Th đang ở nhờ nhà trọ của người chị gái anh, anh thì cũng đang trông coi nhà trọ để có tiền phụ giúp ông Th điều trị bệnh. Anh không có tranh chấp đối với nhà và đất, chỉ có ý kiến mong bà V suy nghĩ lại trở về để đoàn tụ gia đình và giữ lại căn nhà để khi ông Th và bà V sau này có trăm tuổi thì anh cũng có chỗ để thờ cúng ông bà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án: Xét về phần đất hiện đang tranh chấp có nguồn gốc từ công sức đóng góp của ông Th. Do ông Th là công nhân viên lái xe của Công ty xây dựng C nên Công ty có xét đề xuất cho Ủy ban nhân dân Phường D để xét cấp cho ông Th 01 nền có chiều ngang 04m, chiều dài 15m, cấp đất không có thu tiền, cấp vào tháng 7 năm 1984. Phần đất này khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 305, tờ bản đồ số 13, diện tích 48m² (chiều ngang 4m, chiều dài 12m và đo đạc thực tế là 49,7m²), loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại Phường A, thành phố Cao Lãnh.

Đồng thời phần tiền xây nhà được mẹ ruột ông Th là bà Đặng Thị L cho riêng ông Th với số tiền 100.000.000đ, còn lại do chị D là con gái của ông Th và bà V cho chung ông bà. Do đó, xét về công sức đóng góp thì việc đóng góp trong phần tài sản chung là ông Th có công sức đóng góp nhiều hơn bà V nên xem xét cho ông Th được hưởng 2/3 giá trị tài sản chung. Tuy nhiên, ông Th có ý kiến nếu chia theo giá của Hội đồng định giá thì ông đồng ý chia cho bà V 1/2 giá trị tài sản và ông nhận nhà và đất, trả 1/2 giá trị tài sản cho bà V. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà V, công nhận sự tự nguyện của ông Th. Buộc ông Th trả lại 1/2 giá trị nhà và đất tại thửa 305, tờ bản

đồ số 13, tọa lạc tại Phường A, thành phố Cao Lãnh cho bà V theo giá Hội đồng định giá và giao cho ông Th phần nhà và đất.

Ông Th được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

Đối với hợp đồng thuê nhà giữa bà Ng và ông Th, do các đương sự không có tranh chấp và cũng không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó, nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa bà Vân và ông Th có quan hệ hôn nhân hợp pháp và hôn nhân của ông bà được giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 250/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong quá trình chung sống bà V và ông Th có tạo lập được phần tài sản chung nhà và đất. Như vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Th và phần nhà, đất đang tranh chấp có địa chỉ tại Phường A, thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 2 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của bà V yêu cầu chia tài sản chung và nhận giá trị nhà và diện tích đất cụ thể: Tại biên bản định giá của Hội đồng định giá thì bà V đưa ra mức giá phần diện tích đất là 1.000.000.000đ và nhà có giá 500.000.000đ, bà V không đồng ý với giá của Hội đồng định giá là 239.305.000đ. Tuy nhiên, bà V không có cung cấp và cũng không yêu cầu cơ quan, tổ chức khác định giá lại phần đất nêu trên. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà V đưa ra mức giá nhà và đất là 500.000.000đ nhưng không có gì chứng minh cho yêu cầu của bà. Bà V cho rằng trường hợp nếu bà thống nhất theo giá của Hội đồng định giá thì bà phải nhận nhà và đất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà V và ông Th có quan hệ hôn nhân hợp pháp vào năm 1980 và hôn nhân của ông bà được giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 250/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong quá trình chung sống do ông Th là công nhân viên lái xe của Công ty xây dựng C nên Công ty có xét đề xuất cho Ủy ban nhân dân Phường D đề xét cấp cho nhân viên không có đất ở và ông Th được xét cấp cho 01 nền có

chiều ngang 04m, chiều dài 15m, cấp đất không có thu tiền, cấp vào tháng 7 năm 1984. Phần đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 305, tờ bản đồ số 13, diện tích 48m² (ngang 4m, dài 12m), loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại Phường A, thành phố Cao Lãnh. Qua đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích thực tế thửa đất là 49,7m², diện tích nhà được xây dựng hết đất. Như vậy, việc ông Th được cấp đất trong thời kỳ hôn nhân và theo quy định của pháp luật thì đây là tài sản chung của vợ chồng, do đó yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của bà V là có căn cứ.

Đối với căn nhà được xây dựng trên đất là căn nhà cấp 4, có kết cấu vách tường, nền gạch men, trần la phong nhựa, mái tol sóng vuông, tường ốp gạch men cao 1,2m, cửa kéo nhôm Đài Loan, có gác lửng, lót ván gỗ thao lao đã qua sử dụng. Tiền để xây dựng nhà là của bà Đặng Thị L là mẹ ruột của ông Th cho 100.000.000đ và con ruột là chị D cho 60.000.000đ. Vấn đề này được bà V thừa nhận nhưng cho rằng bà L và con gái tên D cho chung vợ chồng. Tuy nhiên, ông Th thì cho rằng tiền của mẹ ruột là bà L cho riêng cá nhân ông Th, còn số tiền con gái tên D cho thì mới cho chung vợ chồng.

Tại văn bản tiếp xúc với bà L cho rằng bà có cho con ruột tên Th số tiền 100.000.000đ để xây nhà, cho riêng ông Th vào khoảng năm 2006 nhưng khi bà đưa tiền thì ông Th đi làm không có nhà nên có gặp vợ của ông Th là bà V và bà đưa cho bà V giữ dùm cho ông Th. Như vậy, việc ông Th cho rằng số tiền được bà L cho là cho riêng ông Th và được bà L xác nhận qua lời khai của bà L. Đối với số tiền chị D cho 60.000.000đ được ông Th và bà V trình bày là cho chung vợ chồng.

Xét về công sức đóng góp của ông Th trong phần tài sản nêu trên thì ông Th có công sức đóng góp nhiều hơn bà V nên Hội đồng xét xử xem xét cho ông Th được hưởng 2/3 đối với phần tài sản là nhà và đất nhưng tại biên bản lấy lời khai của ông Th được ông Th tự nguyện chia cho bà V 1/2 giá trị tài sản theo giá của Hội đồng định giá thì ông đồng ý. Do hiện nay ông Th đang bệnh, phải ở nhờ nhà Trọ của con và công sức đóng góp của ông Th nhiều hơn bà V nên Hội đồng xét xử xem xét giao nhà cho ông Th được tiếp tục quản lý, sử dụng và trả 1/2 giá trị tiền nhà và đất theo giá Hội đồng định giá và cũng đúng theo sự tự nguyện của ông Th. Cụ thể ông Th phải giao lại số tiền cho bà V là: Đất 49,7m² x 2.400.000đ = 119.280.000đ; Nhà 49,7m² x 2.119.000đ = 105.314.000đ; gác lửng 49,7m² x 296.000đ = 14.711.000đ. Tổng cộng 239.305.000đ : 2 = 119.652.000đ (làm tròn).

Đối với một số tài sản trong nhà bà V và ông Th không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, ông bà tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hợp đồng thuê nhà giữa ông Th và bà Ng do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà V.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà V phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Th được miễn nộp tiền án phí, do ông là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, 104, Điều 147, Điều 157, 238, 266, 272 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích V đối với ông Lê Thiết Th.

Buộc ông Lê Thiết Th có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Bích V số tiền 119.652.000đ.

Ông Lê Thiết Th được quản lý, sử dụng nhà và đất tại thửa số 305, tờ bản đồ số 13, diện tích, 48m², loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01741 do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 24/8/2007 cho hộ bà Huỳnh Thị Bích V và ông Lê Thiết Th (Đo đạc thực tế 49,7m² theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 02/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Thiết Th chưa thi hành xong số tiền trên thì ông Lê Thiết Th phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Lê Thiết Th đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

Chi phí xem xét, thẩm định, định giá: Ông Lê Thiết Th phải chịu 400.000đ, bà Huỳnh Thị Bích V phải chịu 400.000đ nhưng bà Huỳnh Thị Bích V đã tạm ứng và chi xong nên ông Lê Thiết Th trả lại cho bà Huỳnh Thị Bích V 400.000đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Bích V phải chịu 5.982.000đ án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền 6.250.000đ theo biên lai tạm thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007239 ngày 14/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, bà Huỳnh Thị Bích V được nhận lại 268.000đ.

Ông Lê Thiết Th được miễn tiền án phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Huỳnh Thị Bích V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ